

Số: /SNN&PTNT-PTNT
V/v thẩm định mức độ đạt chuẩn nông
thôn mới nâng cao xã Quảng Lưu,
huyện Quảng Xương

Thanh Hoá, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới
tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao về phân công theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, phụ trách tiêu chí nông thôn mới nâng cao tại Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020; trên cơ sở hồ sơ đề nghị thẩm định nông thôn mới nâng cao của UBND xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương; Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo nội dung thẩm định các tiêu chí của Ngành như sau:

I. Tiêu chí số 2 về “Thủy lợi”

1. Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động không nhỏ hơn năm trước liền kề

1.1. Duy trì và nâng cao chất lượng chỉ tiêu 2.1, tiêu chí số 2 về “Thủy lợi” của xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020:

Từ năm 2016 đến nay, sau khi hoàn thành xã nông thôn mới, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã được tưới, tiêu hàng năm cơ bản ổn định, cụ thể:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động duy trì tăng hàng năm là $T_{\text{tưới}} 2016-2020 = 100\%$.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động duy trì hàng năm là $T_{\text{tiêu}} 2016-2020 = 100\%$.

- Tỷ lệ đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động là $T_k 2016-2020 = 100\%$.

- Đã sửa chữa, nâng cấp, kiên cố hóa 7,0 km kênh, hàng năm thực hiện nạo vét, duy tu bảo dưỡng kênh mương nội đồng để đảm bảo chủ động tưới tiêu.

1.2. Hiện trạng công tác phục vụ tưới tiêu trên địa bàn xã:

- Về tưới: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã được tưới chủ yếu bằng kênh Bắc thuộc hệ thống Bái Thượng do Công ty TNHH MTV Sông Chu quản lý, vận hành và 05 trạm bơm Mậu Xương, Sô 1 Chợ Quán (lấy nước từ kênh Bắc), Lưu Bình, Lịch Giang, Cồn Tròng (lấy nước từ kênh Hùng Bình) do Hợp tác xã DVNN Quảng Lưu quản lý, vận hành và một phần diện tích cây rau

màu được tưới bằng các giếng khoan do các hộ dân tự lắp. Diện tích tưới trên địa bàn xã do các công trình thủy lợi phục vụ tưới là 675,80 ha, cụ thể: Vụ Xuân 282,80 ha (lúa 181,90 ha; cây rau, màu 100,90 ha); vụ Mùa 278,20 ha (lúa 152,40 ha; cây rau, màu 125,80 ha); vụ Đông 114,80 ha cây rau, màu.

- Về tiêu: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp của xã được tiêu chủ động tự chảy từ các kênh Cẩm Hà, Thôn 2, Khu Sen, Triều Công đổ ra kênh Hùng Bình. Diện tích được tiêu trên địa bàn xã là 653,85 ha (diện tích đất sản xuất nông nghiệp 449,70 ha; diện tích đất phi nông nghiệp 204,15 ha).

- Về cấp thoát nước nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn của xã là 18,54 ha, được cấp nước bằng kênh Bắc và thoát nước ra kênh Hùng Bình.

1.3. Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động:

$$T_{\text{tưới 2019}} = (675,80/675,80) \times 100\% = 100\% = T_{\text{tưới 2016-2019}};$$

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động:

$$T_{\text{tiêu 2019}} = (653,85/653,85) \times 100\% = 100\% = T_{\text{tiêu 2016-2019}};$$

- Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước chủ động:

$$T_{\text{k2019}} = (18,54/18,54) \times 100\% = 100\% = T_{\text{k 2016-2019}}.$$

2. Chỉ tiêu 2.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ

Xã Quảng Lưu là xã không có đê. Địa phương đã xây dựng và phê duyệt Kế hoạch PCTT giai đoạn 2016-2020 phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của địa phương, hàng năm tiến hành soát, cập nhật, bổ sung theo quy định của Luật PCTT và đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

3. Chỉ tiêu 2.3. Về quản lý và bảo vệ công trình PCTT

Trên địa bàn xã không xảy ra vi phạm Luật PCTT, các công trình phòng chống thiên tai được kiểm tra và duy tu định kỳ.

4. Kết quả đánh giá

Đối chiếu các kết quả, đánh giá với Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020; Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương đạt chuẩn tiêu chí số 2 về “Thủy lợi”.

5. Đề xuất kiến nghị

Để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí số 2 về “Thủy lợi” trên địa bàn xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

5.1. Về công tác thủy lợi:

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hiệu quả và bảo vệ kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi bị xuống cấp; tổ chức, huy động lực lượng ra quân nạo vét kênh tiêu; giải toả ách tắc, xử lý lấn chiếm công trình tiêu thoát.

- Điều hòa phân phối nước hợp lý, tiết kiệm, không để hiện tượng thất thoát nước hoặc lấy nước tràn lan gây lãng phí, tăng cường công tác quản lý vận hành nhằm giảm tổn thất nước trên kênh. Thực hiện quy trình tưới tiên tiến, tiết kiệm ngay từ đầu vụ (nông lộ phơi, ướm khô xen kẽ...). Tuyên truyền công khai lịch tưới rộng rãi để người dân biết và phối hợp thực hiện.

5.2. Về công tác phòng chống thiên tai:

Hàng năm, tiến hành rà soát, điều chỉnh Kế hoạch phòng chống thiên tai và xây dựng Phương án ứng phó thiên tai phù hợp với tình hình thiên tai và tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự trữ PCTT để xử lý kịp thời các sự cố thiên tai. Hàng năm trước mùa mưa bão tiến hành kiểm tra, rà soát và loại bỏ, thay thế các vật tư không đảm bảo; tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người dân.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về phòng chống thiên tai, không để xảy ra các vụ vi phạm Luật Phòng chống thiên tai trên địa bàn như: Xây dựng công trình nhà ở, lấn chiếm hành lang trong hành lang thoát lũ; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phá hoại công trình phòng, chống thiên tai.

II. Tiêu chí số 8 về “Tổ chức sản xuất”

1. Về thực trạng hoạt động sản xuất nông nghiệp xã Quảng Lưu

Xã Quảng Lưu có tổng diện tích đất tự nhiên là 689,7ha, trong đó: Đất nông nghiệp 476,1 ha (*đất sản xuất nông nghiệp 449,7 ha; đất nuôi trồng thủy sản 18,54 ha, đất lâm nghiệp 7,86 ha*); đất phi nông nghiệp 204,15 ha; đất chưa sử dụng 9,45 ha.

- **Về trồng trọt:** Tổng diện tích gieo trồng hàng năm là 886 ha; trong đó, cây lúa nước 496 ha (*có 01 vùng sản xuất tập trung 103 ha*), cây rau màu, đậu các loại 355 ha (*có 01 vùng diện tích tập trung 50 ha; diện tích nhà màng nhà lưới 0.5 ha*); cây ăn quả 35 ha (*vùng sản xuất tập trung 23 ha*);

- **Về chăn nuôi:** Tổng đàn gia súc gia cầm là 41.068 con, trong đó, đàn chó 1.742 con, lợn 829 con, bò 455 con, gia cầm 38.042 con. Sản phẩm vật nuôi trên địa bàn chủ yếu được bao tiêu bởi các thương lái, các nhà hàng quanh vùng;

- **Về nuôi trồng thủy sản:** Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của xã là 18,54 ha.. Sản phẩm chủ yếu là các loại cá truyền thống như trắm, chép... được thu mua bởi các thương lái trong vùng. Trong ba năm trở lại đây diện tích nuôi cá truyền thống đang được chuyển đổi sang các con nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao như: Ếch, ốc nhồi thương phẩm, cá giống ...

- **Về lâm nghiệp:** Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn là 7,86 ha chủ yếu là rừng phòng hộ, bảo vệ đê điều, giảm nhẹ thiên tai.

- **Thực trạng tích tụ ruộng đất và quy hoạch vùng liên kết:** Từ năm 2016 đến nay toàn xã đã chuyển đổi được 40 ha diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trang trại chăn nuôi kết hợp trồng cây ăn quả, cây hàng năm, thường xuyên đưa các loại giống, vật nuôi có hiệu quả cao vào sản xuất và tăng tổng đàn vật nuôi.

2. Phát triển kinh tế thương mại - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng:

Trên địa bàn xã có chợ Quán với 653 hộ tiểu thương đang hoạt động kinh doanh; có 18 doanh nghiệp mỗi năm doanh thu trên 280 tỷ đồng, tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng trăm lao động trên địa bàn (*riêng công ty may Hoàng An đã giải quyết tạo việc làm thường xuyên cho từ 250 - 300 lao động*). Có 4.590 lao động có việc làm thường xuyên, 55 lao động đi xuất khẩu lao động.

3. Phát triển kinh tế trang trại, gia trại

Trên địa bàn xã có 04 trang trại đạt tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT; 126 gia trại. Sản phẩm từ các trang trại, gia trại chủ yếu là trâu bò, lợn gà, vịt sinh sản, cây ăn quả, rau... được bao tiêu bởi các thương lái trong vùng.

4. Hoạt động của HTX và tình hình liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực

HTX dịch vụ điện năng, nông nghiệp và môi trường xã Quảng Lưu được thành lập từ năm 2004 đến năm 2017 chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012, có trụ sở tại thôn Hiền Đông, xã Quảng Lưu, có 8 thành viên, tổng vốn điều lệ 1.000 triệu đồng. Các loại dịch vụ của HTX: Thu gom rác thải, thủy lợi; bao tiêu sản phẩm nông nghiệp; điện năng.

HTX dịch vụ điện năng, nông nghiệp và môi trường xã Quảng Lưu đã được UBND xã quy hoạch cho HTX một khu đất có nhà làm việc tại vị trí thửa đất số 2278, tờ bản đồ số 18, diện tích 684,5 m² để làm trụ sở hoạt động. Đến nay, HTX đã sử dụng làm trụ sở giao dịch theo đúng mục đích sử dụng. UBND huyện Quảng Xương cam kết đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và chỉ đạo UBND xã Quảng Lưu bố trí quỹ đất cho Hợp tác xã theo đúng quy hoạch được duyệt; đồng thời hướng dẫn cho HTX dịch vụ điện năng, nông nghiệp và môi trường xã Quảng Lưu hoàn thiện các thủ tục để được thuê đất lâu dài.

Hàng năm, HTX dịch vụ điện năng, nông nghiệp và môi trường xã Quảng Lưu ký kết hợp đồng với công ty cổ phần Nông nghiệp quốc tế An Việt tiêu thụ rau cho bà con nông dân trên địa bàn xã với diện tích bao tiêu 20 ha (chiếm 20,3% diện tích trồng rau trên địa bàn); sản lượng được bao tiêu chiếm 30,6% sản lượng rau toàn xã.

5. Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực

5.1. Số lượng máy nông nghiệp trên địa bàn xã:

Toàn xã toàn xã có 26 máy làm đất, trong đó, có 05 máy công suất lớn (35CV) còn lại 21 máy công suất nhỏ (cầm tay); 01 máy cấy Kubota; 574 máy bơm nước công suất 1,1kw, 7 máy bơm nước động cơ xăng công suất 30 m³/h, 5 máy bơm nước động cơ dầu; 391 bình phun thuốc động cơ điện; 05 máy thu hoạch Kubota; 19 máy tách hạt, 25 máy nghiền thức ăn gia súc.

5.2. Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa trong sản xuất đối với một số cây trồng chủ lực:

Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được áp dụng cơ giới trong làm đất đạt 100%, khâu gieo trồng đạt 55,3%; khâu chăm sóc đạt 58,7%; khâu thu hoạch đạt 90,05%, cụ thể với một số cây trồng chính như sau:

- Cây lúa: Làm đất 100%, gieo trồng 53,39%, chăm sóc 55,7%; thu hoạch 100%;
- Cây lạc: Làm đất 100%, gieo trồng 55,7%, chăm sóc 61,5; thu hoạch 93%;
- Cây ngô: Làm đất 100%, gieo trồng 56,3%, chăm sóc 59,4; thu hoạch 85,2%;
- Cây rau màu: Làm đất 100%, gieo trồng 61,4%, chăm sóc 64,6; thu hoạch 82%.

6. Kết quả thẩm định

UBND xã Quảng Lưu đã cung cấp đầy đủ các đầu mục hồ sơ theo yêu cầu tiêu chí. Qua kiểm tra thực tế xác định xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển của địa phương đạt 30,6% tổng sản lượng sản phẩm chủ lực. Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực đảm bảo yêu cầu (khâu làm đất đạt 100%; gieo trồng $\geq 50\%$; khâu chăm sóc $\geq 50\%$; thu hoạch $\geq 80\%$).

Đôi chiếu kết quả đánh giá với Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020; Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương đạt chuẩn tiêu chí số 8 về “Tổ chức sản xuất”.

7. Đề xuất, kiến nghị

7.1. Đối với chính quyền địa phương:

Xây dựng kế hoạch thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Nghị quyết số 13 của BCH Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao hướng tới ngành nông nghiệp hữu cơ có chứng nhận VietGAP với các sản phẩm thế mạnh của xã như dưa hấu, dưa lê, dưa kim, chanh leo, trứng gia cầm, rau màu các loại, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; chuyên đổi diện tích lúa năng suất thấp thành các trang trại tập trung; xây dựng và phát triển chanh leo thành sản phẩm OCOP.

- Xây dựng kế hoạch phát triển các HTX nông nghiệp gắn với xây dựng các chuỗi liên kết bền vững, quy mô lớn giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ sản xuất. Hỗ trợ HTX trong việc hoàn thiện các thủ tục thuê đất lâu dài tại khu đất đã quy hoạch cho HTX.

7.2. Đối với HTX:

- Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, sản xuất cho cán bộ quản lý HTX và thành viên HTX;

- Xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh hàng năm phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của các thành viên, gắn hoạt động SXKD của HTX với các lợi thế của địa phương, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản để tăng tính cạnh tranh của sản phẩm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân;

- Tập trung tìm kiếm thị trường để mở rộng quy mô, tăng tính bền vững của chuỗi liên kết cho cây trồng, con nuôi chủ lực trên địa bàn.

III. Tiêu chí số 9 về “Vườn hộ”

1. Về diện tích Vườn hộ

Xã Quảng Lưu có 2.016 hộ, trong đó số hộ có vườn là 1.568 hộ (chiếm 77,78% tổng số hộ trên địa bàn); trong đó:

- + Số hộ có diện tích đất vườn từ 100 - 200 m² là: 676 hộ
- + Số hộ có diện tích đất vườn từ 200 - 300 m² là: 684 hộ
- + Số hộ có diện tích đất vườn từ 300 - dưới 500 m² là: 188 hộ
- + Số hộ có diện tích đất vườn trên 500 m² là: 20 hộ.

- Các sản phẩm nông nghiệp từ vườn gồm: Bưởi diễm, na thái, na tứ quý, mít thái, cây ăn quả các loại, các loại hoa, cây cảnh, chăn nuôi gia cầm, cá ...;

tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp tại vườn là 3.528 triệu đồng, chiếm 2,4 tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp toàn xã.

2. Kết quả áp dụng các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến

Các vườn hộ trên địa bàn xã đã và đang được đầu tư hệ thống tưới tiêu khoa học, tiết kiệm như hệ thống tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất chủ yếu là: Sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi (đệm lót sinh học, bể bioga); sử dụng giống, vật tư, phân bón có nguồn gốc, đảm bảo chất lượng, nằm trong danh mục giống vật tư được sản xuất và sử dụng do Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định; cơ giới hóa khâu làm đất, thu hoạch. Cụ thể:

- Số hộ sử dụng hệ thống tưới khoa học: 06/20 hộ, đạt tỷ lệ 30%.
- Số hộ ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất: 16/20 hộ, đạt tỷ lệ 80%.

3. Vườn hộ được quy hoạch khoa học, hiệu quả, sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Đối với các hộ có diện tích vườn từ 500 m² trở lên UBND xã đã chỉ đạo cho các cán bộ chuyên môn phối hợp cùng với cấp ủy cơ sở thôn đến trực tiếp tại các hộ gia đình để đo đạc, khảo sát và lập phương án định hướng chỉnh trang, xây dựng vườn cho từng hộ; sau đó, cụ thể hóa thành các sơ đồ mô tả, hình ảnh trực quan, thuyết minh quy hoạch để UBND xã phê duyệt và công bố công khai cho các chủ hộ được biết và phấn đấu thực hiện nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế, thu nhập từ các sản phẩm từ Vườn hộ;

Ngoài ra, còn 1.548 hộ có diện tích đất vườn nhỏ hơn 500 m² đã được UBND xã đã tuyên truyền, vận động các chủ vườn mạnh dạn chặt bỏ các cây trồng có giá trị kinh tế thấp, dọn sạch vườn tạp thay thế bằng các cây ăn quả, cây rau màu, cây hoa có giá trị kinh tế cao. Đến nay cơ bản các vườn trên địa bàn xã đã được bố trí các cây trồng hợp lý, khoa học;

Các sản phẩm hàng hóa sản xuất ra từ vườn hộ chủ yếu là bưởi diễn, na thái, na tứ quý, mít thái, cây ăn quả các loại, các loại hoa, cây cảnh, chăn nuôi gia cầm, cá ... phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của người dân trong xã và các xã lân cận, do đó vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường luôn được quan tâm đảm bảo. Đến nay, tất cả các hộ tham gia sản xuất nông nghiệp đã thực hiện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn và đã được ban các ngành chức năng của xã kiểm tra, giám sát đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Xã Quảng Lưu đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn an toàn thực phẩm tại Quyết định số 5404/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Về tổng giá trị sản phẩm từ Vườn hộ

- Tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ vườn trên địa bàn xã (1.568 vườn) là 3.528 triệu đồng, chiếm 2,4% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp toàn xã;

- Giá trị sản phẩm nông nghiệp từ Vườn hộ (diện tích vườn $\geq 500 \text{ m}^2$) là 962,5 triệu đồng/năm, chiếm 27,28% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ vườn;
- Giá trị sản phẩm nông nghiệp hàng hóa từ Vườn hộ (diện tích vườn $\geq 500 \text{ m}^2$) là 735,2 triệu đồng/năm, chiếm 76,38% tổng giá trị sản phẩm từ Vườn hộ.

5. Kết quả thẩm định

Đối chiếu kết quả đánh giá với Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi một số nội dung của quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020 ban hành kèm Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương đạt chuẩn tiêu chí số 9 về “Vườn hộ”.

6. Đề xuất, kiến nghị

Trong thời gian tới đề phát huy hiệu quả kinh tế từ Vườn hộ đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện công tác chính trang, thực hiện đúng quy hoạch Vườn hộ đã được phê duyệt. Đối với các sản phẩm chủ lực của Vườn hộ cần có kế hoạch phát triển thành sản phẩm OCOP gắn với lợi thế của địa phương.

IV. Chỉ tiêu 13.1 về Xã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung và tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo quy định

1. Thực trạng sử dụng nước sinh hoạt của các xã

Các hộ gia đình trong xã Quảng Lưu sử dụng nước sinh hoạt từ cả hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, máy lọc nước hộ gia đình).

- Về nước hợp vệ sinh: 2.016/2.016 hộ dân sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo tỷ lệ theo yêu cầu của chỉ tiêu;

- Về nước sạch: 2.016/2.016 hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch tập trung và hệ thống máy lọc nước hộ gia đình, đạt tỷ lệ 100% đảm bảo tỷ lệ theo yêu cầu của chỉ tiêu; trong đó, số hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 87 hộ, đạt tỷ lệ 4,3%; số hộ sử dụng hệ thống máy lọc nước hộ gia đình là 1.929 hộ, đạt tỷ lệ 95,7%.

- Về hiện trạng hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn: Tại thời điểm đánh giá, xã Quảng Lưu có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung.

2. Kết quả thẩm định

Đối chiếu kết quả đánh giá với Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020, Sở Nông nghiệp và

PTNT thống nhất xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương đạt chuẩn chỉ tiêu 13.1 - Xã có hệ thống nước sạch tập trung và Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị UBND huyện Quảng Xương, UBND xã Quảng Lưu phối hợp với đơn vị cấp nước tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho nhân dân để các hộ duy trì sử dụng và tiếp tục đầu tư sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và sức khỏe lâu dài cho nhân dân và nâng cao chất lượng chỉ tiêu 13.1.

Đề nghị Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- UBND huyện Quảng Xương (để t/h);
- UBND xã Quảng Lưu (để t/h);
- Lưu: VT, PTNT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Thị Yến